

PHỤ LỤC 10: GIÁ ĐẤT Ở - HUYỆN KRÔNG NĂNG

Kèm theo nghị quyết số 34/2007/NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2007 của HĐND tỉnh

ĐVT: đ ồng m2

TT	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Giá ban hành năm 2007	Giữ nguyên	Sửa đổi, bổ sung
		Từ	Đến			
I	Huyện Krông Năng					
1	Đường đi xã Phú Lộc	Km 0 (Ngã tư Trung tâm huyện)	(Ngã tư nhà ô.Lợi + 30m) dài 360mét	1,200,000		1,500,000
		Ngã tư nhà ô.Lợi + 30m	(Ngã tư nhà ô.Bàng + 30m) dài 610mét	700,000		900,000
		Ngã tư nhà ô.Bàng+ 30m	(Cầu đập Đông Hồ + 30m)	350,000		500,000
2	Đường tỉnh lộ 3 đi xã Phú Xuân	Km 0 (Ngã tư Trung tâm huyện)	Trường Phan Bội Châu - dài 170mét	1,200,000		1,500,000
		Trường Phan Bội Châu	Ngã ba nhà ông Hồng - Dài 520 mét	700,000		800,000
3	Khu trung tâm T.Trần	Ngã ba nhà ông Hồng	Hết trường học Buôn Weo - Dài 1.440m	230,000		300,000
		Từ trường học Buôn Weo	Nhà ông Bôn Minh - Dài 1.180 mét	200,000		250,000
4	Khu trung tâm T.Trần	Nhà ông Bôn Minh (Chợ)	Nhà ông Tới - Dài 740 mét	300,000		400,000
		Nhà ông Tới	Cầu Phú Xuân (Hết ranh giới xã Pxuân)	100,000		150,000
5	-Đường đi xã Tam Giang	Km 0 (Ng tư trung tâm huyện)	(Nhà ông Thông + 30m) - Dài 280mét	1,500,000		1,700,000
		(Nhà ông Thông + 30m)	(Nhà Bình Thoa +50m)- Dài 420mét	1,200,000		1,500,000
		(Nhà Bình Thoa +50m)	Ngã 3 vào Buôn Weo - Dài 720 mét	300,000		700,000
		Ngã 3 vào Buôn Weo	Cầu Buôn Weo	100,000		200,000
6	-Đường đi Krông Búk	Km 0 (Ngã tư trung tâm huyện)	(Ngã tư Hạt cầu đường +50m) Dài 910m	1,200,000		1,700,000
		(Ngã tư Hạt cầu đường +50m)	(Ngã 3 vào nghĩa trang) - Dài 900mét	900,000		1,100,000
		(Ngã 3 vào nghĩa trang)	Km 2 + 350 (Hết ranh giới thị trấn)	300,000		400,000
7	Trục đường 2-2 Trung tâm thị trấn Krông Năng	Ngã tư nhà Ông Trương Kinh tế	(Nhà ông Toàn + 30m)- Dài 300 mét	300,000		400,000
		(Nhà Ông Toàn + 30m)	(Nhà ông Nghĩa TK+20m) - Dài 240mét	200,000		300,000
		Ngã tư nhà Ông Trương Kinh tế	Nhà ông Ruyện - Dài 520mét	280,000		350,000
		Nhà ông Ruyện	Ngã 3 nhà ông Hồng - Dài 1.000mét	200,000		250,000
			(Ngã tư nhà ông Bàng + 260m) Theo hướng			
		Ngã tư nhà ông Nghĩa Thống kê	Đông	180,000		240,000
		Ngã tư Huyện đội (TTGDTX)	(Nhà ông Cường B sỹ + 20m) Dài 340mét	250,000		300,000
		(Nhà ông Cường + 20m)	Ngã tư nhà Hà Chắt - Dài 240mét	200,000		250,000
			Cắt đường vành đai theo hướng Nam - Dài			
		Ngã tư Huyện đội (TTGDTX)	480mét	250,000		300,000
		Trường Phan Bội Châu	Cắt trục 2-2 nhà ông Hợi	200,000		300,000
		Nhà ông Tư	Cắt trục 2-2 Nhà ông mới	180,000		240,000

TT	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Giá ban hành năm 2007	Giữ nguyên	Sửa đổi, bổ sung
		Từ	Đến			
8	Trục đường 1-1 T.T thị trấn Krông Năng					
		Từ Nhà ông Thi Địa chính	Nhà ông Túc Địa chính	200,000		300,000
		Từ nhà ông Thuận tiệm vàng	Cắt trục 2-2 Trường Trần Quốc Toàn	200,000		250,000
		Từ nhà ông Lợi điện	Cắt trục 2-2 Trường Trần Quốc Toàn	200,000		250,000
		Nhà ông Thắng	Cắt trục 2-2 Trường Lê Quý Đôn	150,000		200,000
		Nhà ông Cường bệnh viện	Cắt trục 2-2 Nhà ông Toàn Công an	150,000		200,000
		Ngã tư nhà Bình Thoa	Ngã tư nhà ông Hùng TTGD-Dài 250m	200,000		300,000
		Ngã tư nhà ông Lợi điện (nhà Linh ý)	Ngã tư nhà ông Hùng TTGD-Dài 300m	200,000		250,000
		Ngã tư nhà ông Yên công an	Ngã 3 sau nhà Linh ý - Dài 250mét	400,000		500,000
		Từ ngã 4 Chi cục Thuế	Vườn ông Tự cắt trục 2-2 đường ông bàng - n	250,000		250,000
		Từ ngã 4 chi cục Thuế	Cắt trục 2-2 nhà ông Chính (thuế)	250,000	250,000	
		Nhà ông Thông bán đồ điện máy	Ngã 3 nhà ông Mỹ Mặt trận TTTrần	350,000		400,000
		Từ nhà ông Tuế ngân hàng	Quy hoạch khu vực Sân vận động	400,000	400,000	
		Từ ngã tư nhà uỷ ban huyện	Nhà ông Bắc Cao su	250,000		300,000
		Từ ngã tư nhà uỷ ban huyện	Nhà ông Sơn Huyện ủy	250,000		300,000
		Nhà ông Huân Trường Nội trú	Nhà ông Chương (khôi 1)	100,000		150,000
		Nhà ông Toàn Công an	Ngã tư vườn Ông Vinh TTGDTX	100,000		150,000
		Nhà ông Sinh	Nhà ông Đặng (Khôi 1)	100,000		100,000
		Nhà ông Hồng giáo viên	Nhà ông Đặng (Khôi 1)	100,000		100,000
		Đường sau Hạt giao thông đường bộ	Vườn nhà Hà, Thuy hiệu thuốc	200,000		150,000
		Đài Truyền thanh - Truyền hình	Sau trạm Thú y huyện	200,000		300,000
		Hội trường Khối 2	Kho bạc huyện	250,000		400,000
		Từ nhà Ông Trâm NH (cũ) đi lò mổ				
		Ô.Tỉnh	Cắt trục 1 - 1 (Nhà Bà Thủy Bệnh viện)	150,000		200,000
		Nhà Huy Loan (Mẫu giáo)	Hết tường rào Huyện đoàn	250,000		300,000
		Đường Tỉnh lộ 3 (Nhà Ông Hoàng	Tường rào Phan Bội Châu	250,000		300,000
		Đường Tỉnh lộ 3 (Hàng rào	Nhà ông Nhâm VKS	200,000		
		Nhà Hiền Hiền	Tường rào Bệnh viện	200,000		
		Ngã ba nhà ông Phi Linh	Đất ông Hữu	250,000		300,000
		Từ nhà ông Thành thuê	Nhà ông Bằng khối 1			100,000
		Từ nhà ông Hoàng Phương	Nhà ông Quyên khối 1			100,000
		Từ nhà ông Thu lái xe	nhà ông Kiêm			100,000
		Nhà ông Tuấn	Nhà ông Đản			100,000
9	Phần còn lại trên các trục đường	Đất ở các trục đường còn lại thuộc quy hoạch trung tâm thị trấn Krông năng		100,000		120,000
		Đất ở các trục khu dân còn lại của thị trấn (Trừ Thôn Bình Minh + Buôn Weo)		50,000		60,000

TT	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Giá ban hành năm 2007	Giữ nguyên	Sửa đổi, bổ sung
		Từ	Đến			
		Các tuyến đường còn lại thuộc Thôn Bình		20,000		30,000
		Các tuyến đường còn lại thuộc Buôn Weo A Buôn Weo B, Buôn Ur		50,000		
II	Xã Ea Hồ					
1	-Đường đi Buôn Hồ	Km 0 (Ranh giới với Krông Búk)	Km 1 + 570 (Trạm xá xã)	150,000		250,000
		Km 1 + 570	Km 2 + 110 (Ngã 3 đi Ea Tóh)	300,000		600,000
2	Đường đi Krông Nang	Km 2 + 110(Ngã 3 Ea Hồ)	Km 3 + 110 (Cây xăng số 15)	120,000		350,000
		Km 3 + 110 (Cây xăng số 15)	Hết ranh giới xã Ea Hồ đi Krông Năng	120,000		250,000
3	-Đường đi Xã Ea Tóh	Ngã 3 Ea Hồ	Ngã 3 đi buôn Wik - 1Km	120,000		250,000
		Ngã 3 đi buôn Wik - 1Km	Hết ranh giới xã Ea Hồ đi Ea Tóh			220,000
		Ngã 3 Ea Hồ - Ea Drông	Ngã 3 Buôn Elê			120,000
		Cây xăng số 15	Công ty cao su 200m	120,000		250,000
		Các ở các khu dân cư còn lại		24,000		40,000
III	Xã Phú Xuân					
1	Đường tỉnh lộ 3	Từ Ngã 3 thôn Xuân Thuận .Tlô 3 (Mẹ Ràng)	UBND xã Phú Xuân - Dài 1000 mét	100,000		
		UBND xã Phú Xuân	Chợ xã Phú Xuân (rừng già) - 1000mét	200,000		
		Chợ xã Phú Xuân (rừng già)	Ng 3 cây xăng Diệu Hóa - 1.000mét	100,000		
		Từ ngã 3 cây xăng Diệu Hoá	Ngã ba nhà ông Mai Đồng			70,000
		Từ Ng 3 thôn Xuân Thuận .Tlô 3 (Mẹ Ràng)	Ng 3 thôn Xuân Vĩnh - 1.000mét	70,000		
		Phần còn lại hai bên trục đường tỉnh lộ 3		50,000		
		Các khu dân cư còn lại		24,000		30,000
2	Khu vực Công ty 49	Trung tâm chợ về 2 phía , mỗi phía 100mét trên trục đường tỉnh lộ 3		200,000		
		Trung tâm Công ty về 2 phía , mỗi phía 300 mét trên trục đường tỉnh lộ 3		150,000		
		Phần còn lại trên trục đường tỉnh lộ 3		50,000		
		Các khu dân cư còn lại		24,000		30,000
IV	Xã Ea Tóh					
1	Đường trục chính Liên xã					
		Km 0 (UBND xã)	Km 1 (Ngã tư đi Ea Tam)	450,000		650,000
		Km 0 (UBND xã)	Km 0 + 500 (Đi xã Ea Hồ)	450,000		600,000
		Km 0 + 500 (Đi xã Ea Hồ)	Km1 (Đi xã Ea Hồ)	250,000		350,000
		Km 1 đi xã Ea Hồ	Nhà ông chỉ thôn Tân Phú	80,000		250,000
		Nhà ông chỉ thôn Tân Phú	Nhà ông ản Thôn Tân Lộc	80,000		200,000
		Phần còn lại trên trục đường đi Ea Tóh - Đliêya		80,000		150,000
2	Đường đi xã Phú Lộc	Ngã 3 Ea Tóh (Nhà ô. Quỳnh)	Đi xã Phú Lộc 300 mét	250,000		350,000

TT	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Giá ban hành năm 2007	Giữ nguyên	Sửa đổi, bổ sung
		Từ	Đến			
		Đường đi xã Phú Lộc + 300m	Đường đi xã Phú Lộc + 600m	150,000		250,000
		Đường đi xã Phú Lộc + 600m	Đến giáp ranh giới xã Phú Lộc			100,000
3	Đường đi xã Ea Tam	Km 1 (Ngã tư)	Km 1 + 300 (Đi xã Ea Tam)	150,000		200,000
		Km 1 +300m ngã tư đi Ea Tam	Km 1 + 500m	80,000		120,000
		Km 1 + 500m	Km 1 +1000m			80,000
4	Đường đi Buôn Kai	Km 1 (Ngã tư đi Ea Tam)	Km 1 + 300 (Đi Buôn Kai)	150,000		200,000
		Km + 300m (đi Buôn Kai)	Km1 + 600m	80,000		120,000
		Km 1 + 600m	Km 1 + 1000m			80,000
5	Đường đi xã Dliêya	Km 1 (Ngã tư)	Km 1 + 200 (Đi xã Dliêya)	200,000		400,000
		Km 1 + 200m	Km 1 + 400m	150,000		300,000
		Km 1 + 400m	Km 1 + 800m	48,000		200,000
	Đường Liên thôn	Cấp dọc lô ông Đình thôn Tân Hà	Đi đến gã 3 nhà ông Mỹ thôn Tân Hà			60,000
	Khu dân cư thôn Tân Quảng, Tân Hà, Tân Hợp, Tân Thành					40,000
	Các khu dư còn lại			24,000		30,000
V	Xã Tam Giang	Km 0 (Ngã 4 - Nhà ô.Tùy)	Km 0 + 600 (Ngã 3 Hợp 1-Trường THCS)	150,000		200,000
		Km 0 (Ngã 4 - Nhà ô.Tùy)	Km 0 + 300m (Đi xã Ea Tam)	100,000		150,000
	Đường trục chính		Km 0 + 550m (Đường đi Minh Hà)	100,000		150,000
	Các khu vực khác còn lại			24,000		30,000
	Từ điểm 300m đi về suối Ea Dăh (Tam Giang đi Ea Puk)					50,000
	Trục đường mới	Trụ sở Nông trường cao su	Kéo về nhà ông Nghĩa (Tỉnh lộ ĐL, P.Yên)			100,000
	Trục chính	Trụ sở Nông trường cao su	Về ngã 3 trường cấp I Tam Giang 2			50,000
	Trục đường liên thôn	Từ trường Cấp I Tam giang 2	Kéo lên ngã 3 thôn Giang Hoà			40,000
	Trục đường liên thôn	Km 0 (Nhà ông Tuy)	Kéo về ngã tư thôn Giang Nghĩa			40,000
			Kéo về ngã 3 nhà ông Nguyễn Chạy thôn Giang nghĩa			40,000
	Trục đường liên thôn	Ngã tư nhà ông Lê Cảnh Thịnh				40,000
	Khu dân cư còn lại					30,000
VI	Xã Ea Tam					
1	Đường trục chính	Km 0 (Ngã 3 nhà ô.Phúc Hòe)	(Hồ Ea Tam)	150,000		
		Km 0 (Ngã 3 nhà ô.Phúc Hòe)	(Giáp xã Ea Puk)	40,000		
		Km 0 (Ngã 3 nhà ô.Phúc Hòe)	(Ngã 3 đường rẽ Buôn Chít)	50,000		100,000
		Công trường Hoàng văn Thu	Nhà Ông La Khánh Sự	50,000		100,000
		Trường Tiểu học Tam Trung	Cầu ngầm Ea Tam - Ea Tóh	50,000		100,000
		Từ Trường TH Tam Trung	Ngã 3 Tam Lục - Tam Liên	40,000		50,000
2	Các khu dân cư còn lại			20,000		30,000

TT	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Giá ban hành năm 2007	Giữ nguyên	Sửa đổi, bổ sung
		Từ	Đến			
		Hồ Ea Tam	Cây xăng ông Vi Văn Long			150,000
		cây xăng ông Vi Văn Long	nhà ông Dũng (Đường đi xã Cư Klông)			100,000
VII	Xã Phú Lộc					
1	Tuyến Đ/chính thuộc K.V TT. Xã	Ngã 4 trường cấp 2.1	Nhà ông Sim -200mét	220,000		300,000
		Về phía Tây 200 mét	Nhà ông Sim - 300mét	160,000		200,000
		Về phía Bắc 200 mét	UBND xã -300m	180,000		200,000
		Ngã 4 trường cấp 1	Nhà ông Bộ - 200mét	200,000		
		Ngã 4 nhà ông Bộ	Trạm điện	200,000		
		Ngã 4 nhà ông Bộ	Trường Tiểu học	200,000		
2		Cầu Đập Đông Hồ	Về phía Đông (Nhà ô. Châu) 100 mét	200,000		
		Nhà Hiếu Hạnh	Về phía Tây (Nhà ô. Xuân)	200,000		
		Từ Trạm điện (biên áp)	Trung tâm Xã Phú Lộc 500mét	100,000		
		Từ nhà ông Châu	Nhà bà Tuyên - 600mét	100,000		
		Ngã 3 UBND Xã	Nhà ông Minh - 100mét	100,000		
		Nhà ông châu	Nhà ông Minh	50,000		
		Ngã 3 UBND Xã	Nhà ông Tây (đường đi Ea Tóh)	150,000		100,000
		Nhà ông Tây (đường đi Ea Tóh)	Nhà trẻ thôn Lộc Thịnh			50,000
3	Các khu dân cư còn lại			24,000		30,000
VIII	Xã Cư K Lông (V3)					
1	Đường trục chính	Ngã 3 trung tâm xã	Thôn Tam Hà (Nhà ô. Mền) 150 mét	50,000		150,000
		Ngã 3 trung tâm xã	Thôn Tam Khánh (Nhà ô. Lục) 150 mét	50,000		150,000
		Đường liên thôn Tam Thuận	Thôn Tam Bình (Nhà ô. Dũng) 300 mét	50,000		150,000
		Đường thôn Tam Hà	Thôn Tam Khánh 3.700 mét (ngã 3 thác)	20,000		40,000
		Nhà ông Dũng	Nhà ông Chát 1.200 mét	20,000		40,000
		Nhà ông Nhâm	Nhà ông Nhâm - 1.000 mét	30,000		60,000
		Nhà ông Lục	Ngã 4 đầu dốc Tam Bình - 500mét	25,000		50,000
2	Đường đi Ea Tam	Nhà ông Công	Nhà ông Công - 300mét	25,000		50,000
			Thôn Tam Hợp	16,000		30,000
3	Đường Tam Khánh - Tam Hợp			16,000		30,000
	Các khu dân cư còn lại					30,000
IX	Xã Ea Tân (V3))					
1	Đường trục chính đi	Từ ngã 3 Trung tâm xã (Triệu xăng	Nhà ông Chung Liễu - Dài 200mét	200,000		300,000
		Nhà Chung Liễu	Từ nhà Ông Trường	150,000		200,000
		Từ nhà Ông Trường	Ng 3 thôn Thông Nhất	100,000		150,000
		Từ ngã 3 Trung tâm xã (Triệu xăng	Nhà ông Khoa	200,000		300,000

TT	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Giá ban hành năm 2007	Giữ nguyên	Sửa đổi, bổ sung
		Từ	Đến			
		Từ nhà ông Khoa	Nhà Kim Anh - Dài 500mét	1,000,000		150,000
		Từ ngã 3 Trung tâm xã (Triệu xăng	Trường TH Nguyễn Văn Bé - 300mét	200,000		300,000
		Trường TH Nguyễn Văn Bé	Ng 3 Ea BLông Bắc Trung	100,000		150,000
		Ngã 3 quán Hương Châu	Nhà ông Văn - 150m	100,000		150,000
		Từ cây xăng Minh Dư	Nhà ông Quang - 150m	150,000		200,000
		Từ cây Xăng Thắng Thành	Nhà ông Quang - 100m	100,000		150,000
		Từ nhà ông Quang	Nhà ông Phát Tả - 150m	100,000		150,000
2	Các khu dân cư còn lại			24,000		40,000
X	Xã Dliêya (V3)					
1	Đường trục chính	Ngã 4 TT xã (H.thuộc Bà Nhót)	Ngã 3 đường đi Ea Tân 100mét	200,000		300,000
		Ngã 4 TT xã (H.thuộc Bà Nhót)	Ngã 4 nhà Bà Thảo 100 mét	250,000		350,000
		Ngã 4 TT xã (H.thuộc Bà Nhót)	Cửa hàng HTX Dliêya 100 mét	150,000		250,000
		Ngã 3 Lợi Bích	Điêm thu mua cà phê Lợi Bích 100 mét	250,000		350,000
		Ngã 3 xăng dầu Quý Điều II	Ng 3 gần cầu Ea Dua 600mét	100,000		200,000
		Ngã 3 Lợi Bích	Trường A Ma Trang Long 700mét	120,000		250,000
		Ngã 4 bà Thảo	Tháp nước sạch 100m	50,000		150,000
		Ngã 4 bà Thảo	Ngã 4 nhà ông Ama Điệp - 100m	50,000		150,000
		Ngã 4 bà Thảo	Ngã 3 cầu Ama Khun - 150m	100,000		200,000
		Nhà văn hoá Buôn K mang	đường đi xã Ea Tân + 100m			150,000
		Phần còn lại trục đường đi xã Ea Tân				100,000
2	Khu dân cư còn lại			24,000		30,000
XI	Xã Ea Púk					
1	Đường trục chính	Từ Trung tâm xã (UBND Xã)	Ra mỗi bên 200m			200,000
		Từ ngã ba đường vào Thác	Nhà ông Thanh (Phía Tây)	150,000	150,000	
2		Từ ngã ba đi xã Ea Tam	Nhà ông Cẩm	150,000	150,000	
		Từ ngã ba trung tâm xã	Nhà ông Luật	150,000	150,000	
		Phần còn lại trên các trục đường chính thuộc quy hoạch trung tâm xã		40,000		100,000
3	Các khu dân cư còn lại			24,000		30,000
XII	Xã Ea Dăh					
1	Đường trục chính	Từ Trung tâm xã (UBND Xã)	Giáp đất nhà ông Nhã	90,000	90,000	
		Từ Trung tâm xã (UBND Xã)	Giáp đất đất cao su Krông Búk	90,000	90,000	
		Từ Trung tâm xã (UBND Xã)	Giáp chân đập Ea Tộc	90,000	90,000	
2	Các khu dân cư còn lại			24,000		30,000